

Số: **41**/BC-THHX

Móng Cái, ngày 02 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- Trường tiểu học Hải Xuân
- Địa chỉ: Thôn 10A, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.
- Website: <https://thhaixuan.edu.vn>
- Loại hình: Trường công lập
- Sứ mạng “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và nâng cao chất lượng”.
- Tầm nhìn “Địa chỉ đáng tin cậy của cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội; học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện”.
- Giá trị cốt lõi: Khẩu hiệu chính “BH”: Biết chia sẻ yêu thương - Học hành chăm chỉ.
- Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường tiểu học Hải Xuân nằm trên địa bàn xã Hải Xuân, là một xã thuần nông nằm gần trung tâm thành phố Móng Cái, có diện tích tự nhiên trên 15,3 km². Trường được thành lập từ năm 1992, trên cơ sở tách ra từ trường phổ thông cơ sở Hải Xuân. Từ những năm mới thành lập trường mang tên là trường tiểu học Hải Xuân I. Trong những năm đầu mới thành lập, trường gặp rất nhiều khó khăn thiếu về cơ sở vật chất như phòng học, bàn ghế, các thiết bị và đồ dùng dạy học.... Đến ngày 01 tháng 08 năm 2014 trường được sát nhập bởi 02 trường tiểu học Hải Xuân 1 và tiểu học Hải Xuân II thành trường Tiểu học Hải Xuân. Hiện nay trường có 03 điểm trường gồm (điểm trường khu trung tâm, điểm trường thôn 3 và điểm trường thôn 5).

Trải qua 32 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, giáo viên và các em học sinh trường tiểu học Hải Xuân đã khắc phục mọi khó khăn, các thể hệ cán bộ quản lý và giáo viên của trường vẫn bền bỉ, tâm huyết, một lòng với sự nghiệp trồng người; phấn đấu vươn lên xây dựng nhà trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, được tặng nhiều Giấy khen, Bằng khen của các cấp, xứng đáng là lá cờ đầu của Ngành Giáo dục thành phố Móng Cái. Vào tháng 02 năm 2020 trường vinh dự được Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp Bằng công nhận “*Trường Tiểu học Chuẩn Quốc gia mức độ I*”.

- Người đại diện hợp pháp: Phạm Thị Kim Liên - Hiệu trưởng. Sdt: 038 4353 943. Mail: phamlienmc@gmail.com

- Tổ chức bộ máy: Trường được sáp nhập theo QĐ số 2730/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái về việc sáp nhập trường tiểu học. Hội đồng trường được kiện toàn theo QĐ số 1498/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND thành phố Móng Cái về việc kiện toàn Hội đồng trường tiểu học Hải Xuân nhiệm kỳ 2019-2024.

- Quyết định điều động, luân chuyển:

+ Hiệu trưởng: theo quyết định số 6343/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn đối với viên chức quản lý trường học thuộc UBND thành phố Móng Cái.

+ Phó Hiệu trưởng: theo quyết định số 4776/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn đối với viên chức quản lý trường học.

- Quy chế tổ chức hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường theo Điều lệ trường tiểu học:

+ Chiến lược phát triển của nhà trường số 06/KH-THHX ngày 24/02/2020 về Kế hoạch chiến lược 5 năm xây dựng và phát triển trường Tiểu học Hải Xuân giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2027.

+ Quy chế dân chủ theo QĐ số 81/QĐ-THHX ngày 05/9/2024 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Tiểu học Hải Xuân năm học 2024 – 2025.

+ Nghị quyết Hội đồng trường: số 14/NQ-HĐT ngày 19/8/2024; số 34/NQ-HĐT ngày 30/12/2024; số 18/NQ-HĐT ngày 24/5/2025.

+ Quy chế làm việc số QĐ số 78/QĐ-THHX ngày 05/9/2024 về việc ban hành Quy chế làm việc của cán bộ, viên chức, người lao động trong trường Tiểu học Hải Xuân năm học 2024-2025;

+ Phân công nhiệm vụ: theo QĐ số 71/QĐ-THHX ngày 01/9/2024 về việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong HĐSP năm học 2024-2025.

+ Quy tắc ứng xử theo QĐ số 79/QĐ-THHX ngày 05/9/2024 về việc ban hành Quy tắc ứng xử trong trường Tiểu học Hải Xuân năm học 2024-2025.

- Xây dựng và phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			Th s	ĐH	CD	TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	TB
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	36	1	32	2	1				14	19	1
I	Giáo viên	32		30	2		5	10	17			
1	Giáo viên chủ nhiệm	22		20	2		2	6	14	12	10	
2	Ngoại ngữ	2		2				1	1		2	
3	Âm nhạc	1		1				1			1	
4	Mỹ thuật	1		1				1			1	
5	Thê dục	0										
6	Tin học	0										
7	Bộ môn	6		6			3	1	2		5	1
II	Cán bộ quản lý	2							2			
1	Hiệu trưởng	1	1						1	1		
2	Phó hiệu trưởng	1		1					1	1		
III	Nhân viên	2										
1	Nhân viên kế toán, thiết bị	1		1								
2	Nhân viên Y tế - Thư viện	1				1						

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Là năm tự đánh giá (Không đánh giá cấp trên)

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: $34/34 = 100\%$ (Trong đó Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Giáo viên: 32).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường tiêu học Hải Xuân có 03 điểm trường gồm (điểm trường khu trung tâm với 13 phòng học, điểm trường thôn 3 với 5 phòng học và điểm trường thôn 5 với 4 phòng học).

Năm 2013, nhà trường được UBND Thành phố Móng Cái đầu tư xây mới khu nhà 2 tầng gồm các phòng hành chính quản trị. Đến nay, trường đã có đầy đủ hệ thống khối phòng phục vụ học tập cho học sinh và khối phòng quản trị phục vụ công tác quản lý của BGH và các bộ phận khác trong trường. Trường có cổng, tường bao, biển trường đủ, đúng theo quy định.

Hiện nay số phòng học của nhà trường hiện nay đáp ứng đủ cho nhu cầu 100% học sinh được học 2 buổi/ngày.

* Số lượng phòng học và phòng làm việc như sau:

- Khối phòng học: 22 phòng học với tổng diện tích $1.094,8m^2$
- Khối phòng phục vụ học tập:
 - + Phòng tin học + Tiếng Anh: 0
 - + Phòng nghệ thuật: 01 (diện tích $47m^2$);
 - + Phòng thư viện: 01 (diện tích $47,6 m^2$);
 - + Phòng thiết bị GD: 01 (diện tích $17,9m^2$);
 - + Phòng truyền thống và hoạt động Đội: 0

- Phòng Giáo dục chuyên biệt: 01 (diện tích 47,6m²).
- Khối phòng hành chính quản trị:
 - + Phòng hội trường: 01 (diện tích 96m²);
 - + Phòng Hiệu trưởng: 01 (diện tích 18 m²);
 - + Phòng phó Hiệu trưởng: 02 (diện tích 36 m²);
 - + Phòng kế toán: 01 (diện tích 23m²);
 - + Phòng y tế: 1 (diện tích 23m²);
- Phòng thường trực: 01 (diện tích 12m²);
- Phòng lưu trữ: 01 (diện tích 10m²);
- Nhà để xe: 05 gồm khu trung tâm: 03 (diện tích 100m²); thôn 3: 01 (diện tích 60 m², thôn 5: 01 (diện tích 20 m²)
- Nhà vệ sinh: 05 (khu vệ sinh cho học sinh cho nam và nữ riêng biệt) khu trung tâm: 03 (diện tích 96m²); thôn 3: 01 (diện tích 24m², thôn 5: 01 (diện tích 24 m²). Khu trung tâm 01 nhà vệ sinh giáo viên nam và nữ, có hệ thống nước sạch, cống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường).
- Sân chơi, bãi tập: 4910 m²

*** Về thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, dạy học và các hoạt động khác:**

Tổng số máy tính phục vụ cho công tác quản lý và dạy học: 05 bộ và 01 máy tính xách tay.

Số máy chiếu: 23 chiếc

Các thiết bị khác gồm: máy in, máy scan, âmly, mic (không dây và có dây), loa máy...

Năm học 2017 - 2018, nhà trường được trang bị 01 phòng học giáo dục học sinh hòa nhập; có đủ các thiết bị hiện đại như: máy tính xách tay, tivi, loa mic ...

Nhà trường có “*Thư viện thân thiện*” với diện tích 47,6 m². Thư viện hoạt động theo quy định của thư viện trường học. Nhà trường có nhân viên thư viện sắp xếp bố trí sách, báo, truyện, ... hợp lý, khoa học.

Phòng Y tế được trang bị giường, tủ thuốc, các dụng cụ y tế... Diện tích phòng đảm bảo quy định, hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại quyết định số 73/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 04/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các công văn hướng dẫn khác.

Các phòng học bộ môn và phòng học văn hoá có diện tích mỗi phòng từ 35 đến 47 m², được trang trí đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Các phòng làm việc đều được trang bị các điều kiện cần thiết như máy tính, bàn, ghế, tủ đựng hồ sơ, tài liệu, rèm, ... phục vụ các hoạt động và công tác quản lý trong nhà trường.

Phòng hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 03 bộ trống, tăng âm, loa đài, băng cò,... phục vụ thiết thực cho các hoạt động của Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh nhà trường.

Phòng hội trường rộng rãi, được trang trí đẹp, đảm bảo đúng quy định, đủ phương tiện, ánh sáng, quạt điện, bàn ghế phục vụ đủ 50 đại biểu trong các cuộc họp, hội thảo, chuyên đề,...

Trường có đầy đủ các bảng biểu: bảng thông báo, bảng kế hoạch hoạt động hàng tháng của nhà trường, bảng công khai, bảng tin An toàn giao thông, ...

Trường có sân chơi đồ bê tông sạch sẽ, có nhiều cây xanh bóng mát, khuôn viên gọn gàng, sạch sẽ, có ghế đá cho học sinh ngồi giải lao, có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

*** Thiết bị dạy học tối thiểu:**

DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC

Các thiết bị hiện có, số lượng thiết bị còn sử dụng

STT	LỚP	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Tổng số thiết bị hiện có	Số thiết bị đang sử dụng được	Số thiết bị hỏng	Ghi chú
THIẾT BỊ DÙNG CHUNG							
1		Giá vẽ	Chiếc	35	35		
2		Giá treo tranh	Chiếc	5	5		
3		Nẹp tranh	Cái	70	70		
4		Bàn cân	Cái	5	5		
5		Quả cân 1kg	Quả	8	8		
6		Quả cân 2kg	Quả	8	8		
7		Quả cân 500g	Quả	2	2		
8		Quả cân 200g	Quả	1	1		
9		Quả cân 100g	Quả				
10		Bóng rổ	Quả	2	2		Thẻ dực
11		Bóng đá	Quả	2	2		

12		Dây nhảy	Chiếc	17	17		
13		Vợt bóng bàn	Chiếc	34	34		
14		Quả địa cầu	Quả	4	4		
15		Mỗ	Cái	2	2		Âm nhạc
16		Thanh phách	Cái	45	45		
17		Song loan	Cái	7	7		
18		Dàn âm thanh Arirang MB40	Bộ	1	1		
19		Kèn Melodion MX 32D	Chiếc	9	9		
20		Bảng phụ	Chiếc	10	10		
21		Mô hình đồng hồ	Chiếc	3	3		
22		Bảng nhóm	Chiếc	30	30		
23		Nam châm	Chiếc	96	96		
24		Máy chiếu	Bộ	23	23		
25		Bộ tăng âm thanh phục vụ hoạt động dạy và học	Bộ	1	1		
26		Trống đội	Bộ	2	2		
LỚP 1							
1		Bộ tranh ôn tập Tiếng Việt	Bộ	1	1		
2		Bộ chữ học vần, toán thực hành lớp 1	Bộ	9	9		
3		Mẫu chữ bảng chữ cái	Tờ	8	8		
4		Bảng con	Cái	126	126		
5		Mô hình răng	Bộ	3	3		
6		Bộ đồ dùng Toán	Bộ	6	6		
7		Bộ thiết bị thực hành toán và tiếng việt lớp 1	Bộ	7	7		
8		BĐDDH Toán bộ hình khối lập phương và chữ nhật	cái	111	111		
		TRANH ẢNH LỚP 1					
1		Đội hình đội ngũ	Tờ	36	36		
2		Mẫu chữ viết	Tờ	4	4		
3		Bài thể dục	Bộ	3	3		
4		Tranh Mĩ thuật	Tờ	18	18		
		I. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU MÔN TOÁN					

1		Mô hình đồng hồ	Bộ	4	4		
2		Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh	Bộ	171	171		
3		Bộ thiết bị dạy phép tính	Bộ	169	169		
4		Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	Bộ	172	172		
		II. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU MÔN TIẾNG VIỆT					
1		Bộ thẻ chữ học vần thực hành	Bộ	172	172		
2		Bộ chữ học vần biểu diễn	Bộ	5	5		
3		Tranh: Bộ mẫu chữ viết	Bộ	5	5		
4		Tranh: Bộ chữ dạy tập viết	Bộ	5	5		
		III. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU MÔN TỰ NHIÊN VÀ XH					
		A. Cộng đồng địa phương					
1		Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Bộ	30	30		
		B. Con người và sức khỏe					
1		Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	Bộ	30	30		
2		Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tật cận thị học đường	Bộ	30	30		
3		Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	Bộ	30	30		
4		Bộ tranh: Phòng tránh bị xâm hại	Bộ	30	30		
		IV. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU MÔN ÂM NHẠC					
1		Thanh phách	Cặp	35	35		
2		Song loan	Cặp	35	35		
3		Trống nhỏ	Bộ	9	9		
4		Triangle (tam giác chuông)	Bộ	10	10		
5		Đàn phím điện tử Roland BK-3BK	Chiếc	1	1		
		V. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU MÔN MỸ THUẬT (Cho phòng học bộ môn)					
1		Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)	Cái	35	35		
2		Bảng vẽ học nhóm	Cái	6	6		
3		Bục đặt mẫu	Cái	4	4		
4		Các hình khối cơ bản	Bộ	1	1		
		VI. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT					

		A. Đội hình đội ngũ					
1		Bộ tranh về đội hình đội ngũ (ĐHDN)	Bộ	6	6		
		B. Vận động cơ bản					
1		Bộ tranh về các tư thế vận động cơ bản (VDCB)	Bộ	6	6		
		C. Bài tập thể dục					
1		Bộ tranh về bài tập thể dục (BT TD)	Bộ	6	6		
		D. Dụng cụ					
1		Đồng hồ bấm giây	Chiếc	6	6		
2		Còi	Chiếc	6	6		
3		Cờ đuôi heo	Chiếc	12	12		
4		Thuốc dây	Chiếc	6	6		
5		Nhạc tập bài tập Thể dục	Chiếc	2	2		
		E. Dụng cụ thể thao tự chọn					
1		Đệm nhảy	Chiếc	6	6		
2		Dây nhảy tập thể	Chiếc	6	6		
3		Dây nhảy cá nhân	Chiếc	20	20		
4		Bóng ném	Quả	6	6		
5		Các bài nhạc dân vũ	Chiếc	2	2		
		VII. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU MÔN ĐẠO ĐỨC					
1		Bộ tranh: Nghiêm trang khi chào cờ	Bộ	5	5		
2		Bộ tranh: Yêu gia đình	Bộ	35	35		
3		Bộ tranh: Thật thà	Bộ	35	35		
4		Bộ tranh: Tự giác làm việc của mình	Bộ	35	35		
5		Bộ tranh: Sinh hoạt nề nếp	Bộ	35	35		
6		Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp	Bộ	35	35		
7		Bộ tranh: Tự chăm sóc bản thân	Bộ	35	35		
8		Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích	Bộ	35	35		
LỚP 2							
1		Bộ chữ dạy tập viết	Bộ	2	2		
2		Bộ thực hành toán 2	Bộ	26	26		

3		Hình lập phương	Cái	6	6		
4		Hình tròn	Cái	5	5		
5		Hình trụ	Cái	4	4		
6		Hình hộp chữ nhật	Cái	6	6		
7		Ê ke	Cái	2	2		
8		Bộ đồ dùng dạy toán lớp 2	Bộ	3	3		
		TRANH ẢNH LỚP 2					
1		Thủ công	Bộ	2	2		
2		Mĩ Thuật	Tờ	42	42		
3		Tự nhiên xã hội	Tờ	8	8		
4		Tranh kể chuyện	Tờ	18	18		
5		Bài thể dục	Bộ	4	4		
LỚP 3							
1		Bộ đồ dùng dạy toán 3 (giáo viên)	Bộ	2	2		
2		Bộ đồ dùng dạy toán 3	Bộ	10	10		
3		Tranh đạo đức: Nghiêm trang khi chào cờ	Tờ	2	2		
LỚP 4							
1		Dụng cụ thí nghiệm khoa học các lọ	Bộ	1	1		
2		Bộ đồ dùng toán 4	Bộ	2	2		
3		Bộ dụng cụ thí nghiệm lớp 4	Bộ	9	9		
4		Nhiệt kế	Cái	1	1		
5		La bàn	Cái	1	1		
6		Bộ dạy phân số	Bộ	1	1		
7		Mô hình KT (giáo viên)	Cái	3	3		
8		Bộ lắp ghép mô hình KT (giáo viên)	Bộ	6	6		
9		Thước đo độ	Cái	3	3		
10		Com pa	Cái	1	1		
11		Ê ke	Cái	2	2		
LỚP 5							
1		Vật liệu cắt may lớp 5	Bộ	10	10		
2		Bộ dụng cụ may thêu (giáo viên)	Bộ	3	3		

3		Hộp hình trụ	Bộ	2	2		
4		Hình hộp lập phương	Bộ	2	2		
5		Bộ đồ dùng hình chữ nhật và phụ kiện	Bộ	1	1		
BỘ ĐỒ DÙNG TỰ LÀM							
1		Bảng phụ học các PPDHTC	Cái	1	1		
2		Ô chữ kì diệu	Cái	1	1		
3		Bảng trò chơi thô ăn cà rốt	Cái	1	1		
4		Cây tri thức	Cái	1	1		
5		Bộ truyện tranh	Bộ	6	6		
6		Góc sáng tạo môn thủ công	Cái	1	1		
7		Mô hình đồng hồ	Cái	2	2		
8		Thước kẻ	Cái	1	1		
9		Bộ thẻ đúng, sai	Bộ	1	1		
10		Thẻ trò chơi	Cái	1	1		
11		Mô hình dạy cấu tạo từ	Cái	1	1		
12		Bộ thẻ số	Bộ	2	2		
13		Mô hình bảng đơn vị đo khối lượng	Cái	1	1		
14		Cây tri thức	Cái	1	1		
15		Bộ tranh học âm nhạc	Bộ	1	1		
16		Bộ tranh mẫu	Bộ	2	2		
17		Bộ hình khối hộp và hình cầu	Bộ	1	1		
18		Bộ hình các loại hoa quả	Bộ	1	1		
19		Bộ đồ dùng	Bộ	1	1		
20		Hoa xoay đáp án chơi trò chơi	cái	1	1		
21		Ông và hoa	cái	1	1		
22		Bản đồ nổi Việt Nam	cái	1	1		
23		Bộ dụng cụ nhà nông	Bộ	1	1		
24		Hoa xoay sắc màu	cái	1	1		
25		Ếch lá sen	cái	1	1		
26		Bảng đơn vị đo độ dài, khối lượng	cái	1	1		
27		Vòng quay kì diệu	cái	1	1		

28		Thẻ đúng, sai	Bộ	1	1		
29		Ô cửa bí mật	cái	1	1		
THIẾT BỊ PHÒNG HỌC KHUYẾT TẬT							
1		Bảng nhóm	Cái	2	2		
2		Máy chiếu + màn hình máy chiếu	Bộ	1	1		
3		Tháp 5 cọc	Cái	10	5		05 cái thiếu chi tiết
4		ghép hình	Bộ	6	5	1	hỏng
5		Đàn gỗ	Cái	9	9		

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA CỦA HỌC SINH
Năm học 2024-2025

STT	Tên sách	Đơn vị tính	Số lượng	Còn sử dụng	Số mất/ hỏng	Ghi chú
Lớp 1						
1	Tiếng việt -Tập 1 (Kết nối)	Bản	129	X		
2	Tiếng việt - Tập 2 (Kết nối)	Bản	129	X		
3	Đạo đức 1 (kết nối)	Bản	129	X		
4	Âm nhạc 1(kết nối)	Bản	129	X		
5	Hoạt động trải nghiệm 1(kết nối)	Bản	129	X		
6	Tập viết -Tập 1 (Kết nối)	Bản	129	X		
7	Tập viết - Tập 2 (Kết nối)	Bản	129	X		
8	Vở bài tập Tiếng việt 1/1(Kết nối)	Bản	129	X		
9	Vở bài tập Tiếng việt 1/2(Kết nối)	Bản	129	X		
10	Vở bài tập đạo đức 1(Kết nối)	Bản	129	X		
11	Vở bài tập Hoạt động TN 1 (Kết nối)	Bản	129	X		
12	Vở thực hành tiếng việt 1/1 (Kết nối)	Bản	129	X		
13	Vở thực hành tiếng việt 1/2 (Kết nối)	Bản	129	X		
Lớp 2						
1	Tiếng việt 2/1 (Kết nối)	Bản	166	X		

2	Tiếng việt 2/2 (Kết nối)	Bản	166	X		
3	Toán 2/1 (Cánh diều)	Bản	166	X		
4	Toán 2/2 (Cánh diều)	Bản	166	X		
5	Đạo đức 2 (kết nối)	Bản	166	X		
6	Tự nhiên xã hội 2 (Cánh diều)	Bản	166	X		
7	Âm nhạc 2 (kết nối)	Bản	166	X		
8	Mĩ thuật 2 (Cánh diều)	Bản	166	X		
9	Giáo dục thể chất 2 (Cánh diều)	Bản	166	X		
10	Hoạt động trải nghiệm 2 (kết nối)	Bản	166	X		
11	Tập viết 2/1 (Kết nối)	Bản	166	X		
12	Tập viết 2/2 (Kết nối)	Bản	166	X		
13	Vở bài tập Tiếng việt 2/1(Kết nối)	Bản	166	X		
14	Vở bài tập Tiếng việt 2/2(Kết nối)	Bản	166	X		
15	Vở bài tập Toán 2/1(Cánh diều)	Bản	166	X		
16	Vở bài tập Toán 2/2(Cánh diều)	Bản	166	X		
17	Vở bài tập đạo đức 2 (Kết nối)	Bản	166	X		
18	Vở bài tập Tự nhiên XH2 (Cánh diều)	Bản	166	X		
19	Vở bài tập mỹ thuật 2 (Cánh diều)	Bản	166	X		
20	Vở thực hành tiếng việt 2/1 (Kết nối)	Bản	166	X		
21	Vở thực hành tiếng việt 2/2 (Kết nối)	Bản	166	X		
22	Cùng em ôn luyện toán 2/1 (Cánh diều)	Bản	166	X		
23	Cùng em ôn luyện toán 2/2 (Cánh diều)	Bản	166	X		
24	I learo start grade 2 (Studeur s Book) SGV	Bản	166	X		
25	I learo start grade 2 (VV ork Book)	Bản	166	X		
LỚP 3						
1	Tiếng Việt 3/1	Bản	119	X		
2	Tiếng Việt 3/2	Bản	119	X		
3	Toán 3/1	Bản	119	X		
4	Toán 3/2	Bản	119	X		

5	Đạo đức 3	Bản	119	X		
6	Tự nhiên và Xã hội 3	Bản	119	X		
7	Tin học 3	Bản	119	X		
8	Công nghệ 3	Bản	119	X		
9	Giáo dục thể chất 3	Bản	119	X		
10	Âm nhạc 3	Bản	119	X		
11	Mĩ thuật 3	Bản	119	X		
12	Hoạt động trải nghiệm 3	Bản	119	X		
	SÁCH BỔ TRỢ					
13	Tập viết 3 - Tập 1	Bản	119	X		
14	Tập viết 3 - Tập 2	Bản	119	X		
15	Vở Bài tập Tiếng Việt 3/1	Bản	119	X		
16	Vở Bài tập Tiếng Việt 3/2	Bản	119	X		
17	Vở bài tập Toán 3/1	Bản	119	X		
18	Vở bài tập Toán 3/2	Bản	119	X		
19	Vở Bài tập Đạo đức 3	Bản	119	X		
20	Vở bài tập Tự nhiên và xã hội 3	Bản	119	X		
21	Bài Tập Tin học 3	Bản	119	X		
22	Vở bài tập Công nghệ 3	Bản	119	X		
23	Vở Bài tập Âm nhạc 3	Bản	119	X		
24	Vở thực hành Mỹ thuật 3	Bản	119	X		
25	Vở Bài tập Hoạt động trải nghiệm 3	Bản	119	X		
	SÁCH TIẾNG ANH (XBGD VN)					
29	Tiếng Anh 3 - 3/1	Bản	119	X		
30	Tiếng Anh 3 - 3/2	Bản	119	X		
31	Tiếng Anh 3 Sách bài tập	Bản	119	X		
LỚP 4						
1	Khoa học (Cánh diều)	Bản	169	X		
2	Hoạt động trải nghiệm 4	Bản	169	X		

3	Tin học 4	Bản	169	X		
4	Vở BT tin học 4	Bản	169	X		
5	Mĩ thuật 4	Bản	169	X		
6	Vở thực hành kĩ thuật 4	Bản	169	X		
7	Âm nhạc 4	Bản	169	X		
8	Tiếng anh 4 SHS tập 1	Bản	169	X		
9	Tiếng anh 4 SHS tập 2	Bản	169	X		
10	Tiếng anh 4 sách BT	Bản	169	X		
11	Toán 4 (tập 1 (Cánh diều)	Bản	169	X		
12	Toán 4 (tập 2 (Cánh diều)	Bản	169	X		
13	Vở BToán 4 tập 1 (Cánh diều)	Bản	169	X		
14	Vở BT toán 4 tập 2 (Cánh diều)	Bản	169	X		
15	Tiếng việt 4 tập 1	Bản	169	X		
16	Tiếng việt 4 tập 2	Bản	169	X		
17	Vở BT tiếng việt T2	Bản	169	X		
18	Vở BT Hoạt động trải nghiệm 4	Bản	169	X		
19	Khoa học 4(Cánh diều)	Bản	169	X		
20	Vở BT khoa học 4	Bản	169	X		
21	Đạo đức 4	Bản	169	X		
22	Vở BT đạo đức 4	Bản	169	X		
23	Công nghệ 4	Bản	169	X		
24	Vở BT công nghệ 4	Bản	169	X		
25	Lịch sử và địa lí	Bản	169	X		
26	Vở BT lịch sử và địa lí	Bản	169	X		
I	SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5					
1	Tiếng Việt 5/1	Bản	130	X		
2	Tiếng Việt 5/2	Bản	130	X		
3	Đạo đức 5	Bản	130	X		
4	Âm nhạc 5	Bản	130	X		

5	Mĩ thuật 5	Bản	130	X		
6	Toán 5/1	Bản	130	X		
	Toán 5/2	Bản	130	X		
7	Lịch sử và Địa lí 5	Bản	130	X		
8	Khoa học 5	Bản	130	X		
9	Tin học 5	Bản	130	X		
10	Công nghệ 5	Bản	130	X		
11	Giáo dục thể chất 5	Bản	130	X		
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Bản	130	X		
II	SÁCH BỔ TRỢ					
1	Vở BT Tiếng Việt 5/1	Bản	130	X		
2	Vở BT Tiếng Việt 5/2	Bản	130	X		
3	Vở BT Đạo Đức 5	Bản	130	X		
4	Vở BT Âm nhạc 5	Bản	130	X		
5	Vở thực hành Mỹ thuật 5	Bản	130	X		
6	Vở BT Toán 5/1	Bản	130	X		
	Vở BT Toán 5/2	Bản	130	X		
7	Vở BT Lịch sử và Địa lí 5	Bản	130	X		
8	Vở BT Khoa học 5	Bản	130	X		
9	Vở BT Tin học 5	Bản	130	X		
10	Vở BT Công nghệ 5	Bản	130	X		
11	Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 5	Bản	130	X		
12	Bài học STEM lớp 5	Bản	130	X		
C	SÁCH TIẾNG ANH NXB ĐHSP					
1	Tiếng Anh 5 (English Discovery)	Bản	130	X		
2	BT Tiếng Anh 5 (English Discovery)	Bản	130	X		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tháng 02/2020 trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 theo QĐ số 151/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2020 của Sở giáo dục và Đào tạo.
- Tháng 02/2020 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo QĐ số 152/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2020 của Sở giáo dục và Đào tạo.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 2 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ; học sinh là người dân tộc thiểu số; học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Huy động trẻ: $120/120 = 100\%$
- Học sinh chuyển đến năm học 2024-2025: 12
- Học sinh chuyển đi năm học 2024-2025: 14

stt	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	715	129	166	117	168	135
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	715	129/129 =100%	166/166 =100%	117/117 =100%	168/168 =100%	135/135 =100%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp	702/715 = 98,2%	123/129 =95,3%	163/166 =98,2%	115/117 =98,3%	166/168 =98,8%	135/135 =100%
a	Học sinh được khen thưởng cấp trường	314/715 =43,9%	67/129 =51,9%	80/166 =48,2%	45/117 =38,5%	68/168 =40,5%	54/135 =40%
b	Số học sinh được cấp trên khen thưởng	16/715 =2,2%			2/117 =1,7%	5/168 =3,0%	9/135 =6,7%
2	Rèn luyện hè	13/715 =1,8%	5/129 =3,9%	3/166 =1,8%	2/117 =1,7%	3/168 =1,8%	0

- Số học sinh bình quân/lớp: $715/22 \text{ lớp} = 32,5 \text{ học sinh/lớp}$.
- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ: 346/369
- Học sinh là người dân tộc thiểu số: 26, Nữ dân tộc 13
- Học sinh khuyết tật: 23, trong đó: Khối 1: 6; Khối 2: 7; Khối 3: 5; Khối 4: 3; Khối 5: 2.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	8.775.485.000	8.775.485.000	0
	a. Từ NSNN cấp	02	8.775.485.000	8.775.485.000	0
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04			
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	8.775.485.000	8.775.485.000	0

	a. Chi phí hoạt động	06	8.775.485.000	8.775.485.000	0
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08			
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	09			

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH
DIỆN HỘ NGHÈO, HỌC SINH KHUYẾT TẬT NĂM HỌC 2024-2025**

Stt	Tên học sinh/đơn vị	HỌC KỲ I				HỌC KỲ II				Tổng số tiền cả năm học 2023-2024
		Diện hộ nghèo/cận nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		Diện hộ nghèo/cận nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		
		Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=4+6+8+10
I	Trường Tiểu học Hải Xuân				12.600.000		-		18.000.000	30.600.000
1	Nguyễn Hoàng Diệp Chi			4	600.000			5	750.000	1.350.000
2	Phạm Bảo Hân			4	600.000			5	750.000	1.350.000
3	Vì Bảo Nam			4	600.000			5	750.000	1.350.000
4	Vũ Song Vũ			4	600.000			5	750.000	1.350.000
5	Phạm Đức Cường			4	600.000			5	750.000	1.350.000
6	Trương Việt Trung			4	600.000			5	750.000	1.350.000
7	Hoàng Ngọc Long			4	600.000			5	750.000	1.350.000
8	Lê Vương Bảo Trâm			4	600.000			5	750.000	1.350.000
9	Trần Thị Mai Anh			4	600.000			5	750.000	1.350.000
10	Phùng Duy Anh			4	600.000			5	750.000	1.350.000
11	Hoàng Ngọc Linh Đan			4	600.000			5	750.000	1.350.000
12	Phạm Đức Tùng			4	600.000			5	750.000	1.350.000
13	Vương Quốc Hiếu			4	600.000			5	750.000	1.350.000
14	Phạm Văn Tới			4	600.000			5	750.000	1.350.000
15	Khổng Anh Ánh			4	600.000			5	750.000	1.350.000
16	Trịnh Diệp Anh			4	600.000			5	750.000	1.350.000
17	Nguyễn Gia Huy			4	600.000			5	750.000	1.350.000
18	Nguyễn Đức Duy			4	600.000			5	750.000	1.350.000
19	Hoàng Trung Hải			4	600.000			5	750.000	1.350.000
20	Lê Hải Đăng			4	600.000			5	750.000	1.350.000
21	Nguyễn Việt Anh			4	600.000			5	750.000	1.350.000
22	Phạm Hữu Quốc							5	750.000	750.000
23	Khiếu Minh Khôi							5	750.000	750.000
24	Phạm Thanh Tùng							5	750.000	750.000

VII. KẾT THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh nhân các ngày lễ lớn trong năm.

2. Tổ chức các buổi trải nghiệm trong và ngoài thành phố khi được phê duyệt của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường tiểu học Hải Xuân.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐND, UBND xã Hải Xuân (báo cáo);
- Liên đoàn Lao động TP (báo cáo);
- Phòng Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- Website (công khai);
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên (thực hiện);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Kim Liên

